

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/07/2021

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Bà **Ngô Hồng Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:
Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 07 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2021 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Diệu T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng cả hai đều có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

+ *Về hôn nhân:* Ông D và Bà T có tổ chức đám cưới trên tình thân tự nguyện vào năm 2000 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Ông D và Bà T chung sống hạnh phúc từ khi cưới nhau cho đến cách nay khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài dai dẳng cho đến nay vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay Ông D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông xin được ly hôn với bà

Nguyễn Diệu T.

- *Về con chung*: Ông D xác định quá trình chung sống vợ chồng ông D, bà T có với nhau hai người con chung là cháu Trần Thị Yến K, sinh ngày 16/7/2001 và cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006. Đối với cháu Trần Thị Yến K hiện tại đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Khả T1, hiện tại vẫn đang sống chung với vợ chồng ông D, bà T, khi ly hôn nguyện vọng của cháu T1 muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu muốn ở với ông D thì ông D nuôi, ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông D không có yêu cầu gì khác.

- ***Bị đơn bà Nguyễn Diệu T trình bày:***

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông D về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn cũng như thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay Ông D xin được ly hôn với bà T thì bà T cũng đồng ý vì xét thấy tình cảm giữa vợ chồng hiện nay cũng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

+ *Về con chung*: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông D trong quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung là cháu Trần Thị Yến K, sinh ngày 16/7/2001 và cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006. Đối với cháu Trần Thị Yến K hiện tại đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Khả T1 hiện tại vẫn đang sống chung với vợ chồng bà T, ông D, khi vợ chồng ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi cháu T1, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Diệu T.

+ *Về con chung*: Ghi nhận nguyện vọng cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/05/2006 muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Diệu T khi cha mẹ ly hôn. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Diệu T thống nhất tiếp tục giao cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006 cho bà Nguyễn Diệu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Tiếp tục giao cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006 cho bà Nguyễn Diệu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Ông D có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Trần Văn D khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Diệu T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Trần Văn D và bị đơn bà Nguyễn Diệu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin vắng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D và bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn D với bà Nguyễn Diệu T, thấy rằng: Ông D và bà T thống nhất xác định ông, bà có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2000 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”* và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ...”*

Từ những quy định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông D yêu cầu ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý ly hôn với ông D nhưng do ông D và bà T không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Diệu T.

[4] Về quan hệ con chung: Ông D và bà T thống nhất xác định quá trình

chung sống vợ chồng có hai người con chung là cháu Trần Thị Yến K, sinh ngày 16/7/2001 và cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006. Đối với cháu Trần Thị Yến K hiện tại đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Khả T1 hiện tại vẫn đang sống chung với vợ chồng bà T, ông D. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con ngày 15/6/2021, cháu Trần Thị Khả T1 có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Diệu T khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời tại biên bản hòa giải cùng ngày 15/6/2021 vợ chồng ông D, bà T cũng thống nhất thỏa thuận khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần nên ghi nhận nguyện vọng của cháu Trần Thị Khả T1 cũng như ghi nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông D, bà T tiếp tục giao cháu Trần Thị Khả T1 cho bà Nguyễn Diệu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng bà T, ông D ly hôn là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản: Ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc ông Trần Văn D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Diệu T không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn D và bà Nguyễn Diệu T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/05/2006 muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Diệu T khi cha mẹ ly hôn. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Diệu T thống nhất tiếp tục giao cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006 cho bà Nguyễn Diệu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Tiếp tục giao cháu Trần Thị Khả T1, sinh ngày 28/5/2006 cho bà Nguyễn Diệu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Ông Trần Văn D có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Diệu T không yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Diệu T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Trần Văn D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005847 ngày 15/06/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh